

**BƯỚC ĐẦU NGHIÊN CỨU SỰ PHÂN BỐ, TẬP TÍNH TƯ THỂ
VẬN ĐỘNG CỦA HỌ KHỈ VOOC (CERCOPITHECIDAE) TẠI KHU
BẢO TỒN THIÊN NHIÊN SƠN TRÀ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

INITIAL RESEARCHING DISTRIBUTION, LOCOMOTOR AND POSTURAL MODES
OF CERCOPITHECIDAE IN SONTRA NATURE RESERVE, DA NANG CITY

**SVTH: Nguyễn Hồng Chung¹, Phạm Thị Bảo Nhi², Trần Thị Thùy Trang²,
Nguyễn Hồng Hải², Bùi Huy Hoàng², Nguyễn Lê Bảo Khánh²**

Lớp (¹: 06CSM2, ²: 06CSM1), Khoa Sinh Môi trường, Trường Đại học Sư Phạm

GVHD: TS. Đinh Thị Phương Anh

Ban Quản lý Khoa học và Đào tạo Sau đại học, Đại học Đà Nẵng

TÓM TẮT

Quần thể Voọc chà vá chân nâu và quần thể Khỉ đuôi dài phân bố chủ yếu ở sinh cảnh rừng lá rộng thường xanh mưa mùa nhiệt đới và sinh cảnh rừng phục hồi, Khỉ vàng phân bố rộng ở cả bốn sinh cảnh. Quần thể Voọc chà vá chân nâu và quần thể Khỉ đuôi dài chủ yếu sống ở tầng vượt tán và tầng ưu thế, Khỉ vàng ngoài sống ở tầng vượt tán, tầng ưu thế chúng còn sống ở tầng cây bụi. Chúng sử dụng ba kiểu tư thế (ngồi, ôm bám và đứng) và sáu kiểu vận động (đi bốn chân, chạy bốn chân, leo lên, nhảy, vận động treo thân, buông mình). Các nhân tố tác động: thiên tai, thực vật xâm lấn, phát triển du lịch, khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ.

ABSTRACT

Pygathrix nemaeus, *Macaca fascicularis* are distributing essential in habitat primary montane evergreen forest and restoration forest, *Macaca mulatta* is distributing in four habitat. *Pygathrix nemaeus*, *Macaca fascicularis* are living essential spread over the forest floor, advantage of the forest floor, *Macaca mulatta* is living spread over the forest floor, advantage of the forest floor and shrubs of the forest floor. They use three postural modes type (sit, cling, stand) and six locomotor type (quadrupedal walk, quadrupedal run, vertical climb, leap, torso-orthograde suspensory locomotion, drop). the factor's influence: calamity, harmful plants, develop tourist, exploit wood and forest product in addition to wood.

1. Đặt vấn đề

Thú linh trưởng (Fauna Primates) là loài có quan hệ gần gũi nhất với con người và sinh sống chủ yếu trong các khu rừng nhiệt đới. Do vậy, sự tồn tại và phát triển của chúng phụ thuộc vào khả năng sinh trưởng, phát triển của thực vật rừng và chúng được xem là sinh vật chỉ thị cho chất lượng rừng tốt.

Khu hệ Thú linh trưởng Việt Nam hiện đã ghi nhận được 25 (24) loài và phân loài: trong đó có 5 loài và phân loài đặc hữu (Voọc cát bà, Voọc lông trắng, Voọc mũi hếch, Voọc chà vá chân xám, Voọc đen phía Đông, Khỉ đuôi dài Côn Đảo) và 5 loài và phân loài đặc hữu Đông Dương (Voọc chà vá chân nâu, Voọc chà vá chân đen, Vượn đen tuyền, Vượn Ski và Vượn má hung), và hiện là nước dẫn đầu với 5 loài trong danh sách, chiếm 20% tổng số loài Linh trưởng cực kỳ nguy cấp nhất thế giới. Điều này thực sự tạo ra những thách thức về vấn đề bảo tồn. [2], [6].

Tại Khu BTTN Sơn Trà, trước đây đã có các cuộc khảo sát tìm hiểu về loài Voọc

chà vá chân nâu của J.F.T.Eydoux (1837), Van Peenan (1969,1971), Gotchfield (1974), Lippold (1977, 1995), Mackinnon (1986), Phạm Nhật (1993)... Khảo sát gần đây của TS. Đinh Thị Phương Anh và cộng sự (1997) cũng đã ghi nhận về 3 loài: Khỉ đuôi dài (*Macaca fascicularis*), Khỉ vàng (*Macaca mulatta*), Voọc chà vá chân nâu (*Pygathrix nemaeus*) [1], [3], [7]. Tuy nhiên những dẫn liệu và sự phân bố cũng như mô tả các tập tính tư thế vận động của chúng chưa được nghiên cứu nhiều nhưng đó lại là những dẫn liệu rất quan trọng cho công tác bảo tồn loài tại Khu bảo tồn thiên nhiên Sơn, Thành phố Đà Nẵng.

Nhằm góp thêm dẫn liệu về về sự phân bố, tập tính tư thế vận động và làm cơ sở cho việc bảo tồn loài. Chúng tôi chọn đề tài: “*Bước đầu nghiên cứu sự phân bố, tập tính tư thế vận động của họ Khỉ voọc (Cercopithecidae) tại Khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà Thành Phố Đà Nẵng*”.

2. Địa điểm – đối tượng – thời gian – nội dung và phương pháp nghiên cứu

2.1. Địa điểm nghiên cứu

Khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà, TP. Đà Nẵng với diện tích 4439 ha.

2.2. Đối tượng nghiên cứu

- Quần thể Voọc chà vá chân nâu (*Pygathrix nemaeus*)
- Quần thể Khỉ vàng (*Macaca mulatta*)
- Quần thể Khỉ đuôi dài (*Macaca fascicularis*)

2.3. Thời gian nghiên cứu

Từ tháng 8/2009 – 4/2010

2.4. Nội dung nghiên cứu

– Nghiên cứu vùng sống và sự phân bố của Voọc chà vá chân nâu (*Pygathrix nemaeus*), Khỉ vàng (*Macaca mulatta*), Khỉ đuôi dài (*Macaca fascicularis*) tại Khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng.

– Mô tả các kiểu tư thế và vận động của Voọc chà vá chân nâu (*Pygathrix nemaeus*), Khỉ vàng (*Macaca mulatta*), Khỉ đuôi dài (*Macaca fascicularis*) tại Khu bảo tồn thiên nhiên Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng.

2.5. Phương pháp nghiên cứu

2.5.1. *Phương pháp khảo sát thực địa sử dụng phương pháp của Brockleman, W.Y and Ali, R. (1987)[4].*

Tiến hành khảo sát 4 đợt/ tháng, mỗi đợt 2 – 3 ngày

Định vị 3 cụm tuyến nghiên cứu:

Khảo sát theo tuyến; quan sát; ghi chép nhật kí; chụp ảnh; quay phim; sử dụng GPS định vị tọa độ; sử dụng La bàn xác định hướng di chuyển của 3 loài Linh trưởng.

2.5.2. *Phương pháp nghiên cứu vùng sống*

Vị trí gặp 3 loài Linh trưởng sẽ được xác định bằng máy định vị GPS, sau đó đánh dấu trên bản đồ địa hình (UTM) tỷ lệ 1:12500. Xác định khoảng cách hoạt động trong ngày

và diện tích vùng sống của 3 loài Linh trưởng trên bản đồ địa hình.

2.5.3. Phương pháp nghiên cứu về các kiểu tư thế và vận động

Quan sát và xác định các kiểu tư thế và vận động của 3 loài Linh trưởng theo phương pháp của Hunt và cộng sự (1996) [5] và theo hình ảnh có sẵn. Mỗi kiểu tư thế hay vận động của 3 loài Linh trưởng được mô tả bằng lời hoặc trình bày bằng các hình vẽ đơn giản hoặc ảnh chụp.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Vùng sống của 3 loài Linh trưởng tại Khu BTTN Sơn Trà

Qua 68 lần khảo sát vùng sống của 3 loài Linh trưởng tại Khu BTTN Sơn Trà chúng tôi nhận thấy 3 loài Linh trưởng có sống tại 4 sinh cảnh. Trong đó quần thể Voọc chà vá chân nâu và quần thể Khi đuôi dài sống chủ yếu tại sinh cảnh rừng lá rộng thường xanh mưa mùa nhiệt đới và sinh cảnh rừng phục hồi còn tại sinh cảnh trảng cây bụi và trảng cỏ; sinh cảnh dân cư thì chưa tìm thấy, trong khi đó quần thể Khi vàng có vùng sống rộng hơn. Chúng sống ở cả 4 sinh cảnh.

3.1.1. Sinh cảnh rừng lá rộng thường xanh mưa mùa nhiệt đới

Kết quả nghiên cứu cho thấy tại sinh cảnh rừng lá rộng thường xanh mưa mùa nhiệt đới quần thể Voọc chà vá chân nâu phân bố chiếm ưu thế với 38.7%, tiếp đến là quần thể Khi đuôi dài với 37.8% và thấp nhất là quần thể Khi vàng với 23.5%.

3.1.2. Sinh cảnh rừng phục hồi

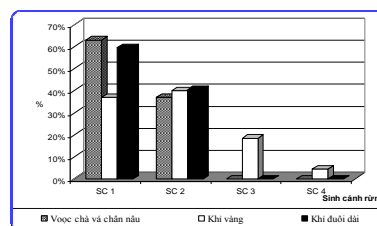
Kết quả nghiên cứu cho thấy tại sinh cảnh rừng phục hồi 3 loài Linh trưởng có sự phân bố tương đối đồng đều với 34.2% là quần thể Khi đuôi dài, 33% là quần thể Khi vàng và 32.8% là quần thể Voọc chà vá chân nâu.

3.1.3. Sinh cảnh trảng cây bụi và trảng cỏ

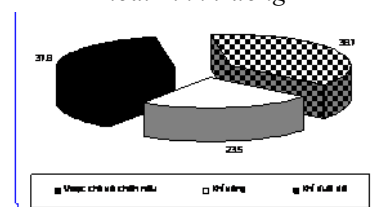
Kết quả nghiên cứu cho ta thấy tại sinh cảnh trảng cây bụi và trảng cỏ hầu như chỉ thấy có sự phân bố của quần thể Khi vàng chiếm 100% còn quần thể Voọc chà vá chân nâu và quần thể Khi đuôi dài thì chưa tìm thấy.

3.1.4. Sinh cảnh dân cư

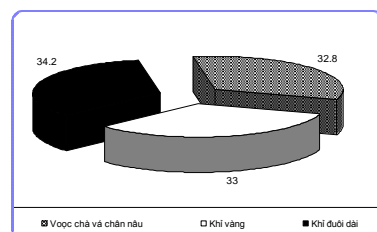
Kết quả nghiên cứu cho ta thấy tại sinh cảnh trảng cây bụi và trảng cỏ hầu như chỉ thấy có sự phân bố của quần thể Khi vàng chiếm 100% còn quần thể Voọc chà vá chân nâu và quần thể Khi



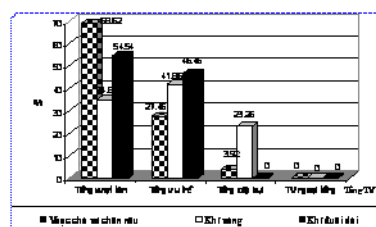
Hình 1. Biểu đồ vùng sống của 3 loài Linh trưởng



Hình 2. Biểu đồ phân bố của 3 loài Linh trưởng tại sinh cảnh rừng lá rộng thường xanh mưa mùa nhiệt đới



Hình 3. Biểu đồ phân bố của 3 loài Linh trưởng tại sinh cảnh rừng phục hồi



Hình 4. Biểu đồ phân bố của 3 loài Linh trưởng theo cấu trúc phân tầng của quần xã rừng Sơn Trà

đuôi dài thì chưa tìm thấy.

3.2. Sử dụng vùng sống theo cấu trúc phân tầng của 3 loài Linh trưởng

Quần thể Voọc chà vá chân nâu phân bố chủ yếu ở tầng vượt tán (68.62%), tiếp đến là tầng ưu thế (27.46%), đôi khi có xuất hiện ở tầng cây bụi (3.92%), còn thực vật ngoại tầng chúng tôi chưa tìm thấy.

Quần thể Khi vàng phân bố nhiều nhất là tầng ưu thế (41.86%), tiếp đến là tầng vượt tán (34.88%). Tầng cây bụi chúng cũng phân bố nhưng ít hơn.

Quần thể Khi đuôi dài có sự phân bố khá tương đồng với sự phân bố của quần thể Voọc chà vá chân nâu, cụ thể tại tầng vượt tán chiếm 54.54% và tầng ưu thế là 46.46%.

3.3. Các kiểu tư thế của 3 loài Linh trưởng

Kết quả nghiên cứu cho thấy 3 loài Linh trưởng trong họ Khi voọc tại Khu BTTN Sơn Trà, có 3 kiểu tư thế chính sau: ngồi (ngồi co gối, ngồi dạng chân, ngồi với chi trước đu bám, ngồi chân cài, ngồi kiểu ghé và ngồi chéo góc), ôm bám, đứng (đứng bằng bốn chi, cúi mình và đứng bằng hai chi sau)

3.4. Các kiểu vận động của 3 loài Linh trưởng tại Khu BTTN Sơn Trà

Kết quả nghiên cứu cho thấy 3 loài Linh trưởng trong họ Khi voọc tại Khu BTTN Sơn Trà, có 6 kiểu vận động chính sau: đi bằng bốn chi, chạy bằng bốn chi, leo lên (leo lên và tụt xuống), nhảy (nhảy lao xuống, nhảy bật và nhảy ôm thẳng đứng), vận động treo thân đứng, buông mình

3.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phân bố, tập tính tư thế vận động của 3 loài Linh trưởng

- Các nhân tố tự nhiên: thiên tai, thực vật xâm lấn
- Các nhân tố nhân tạo: phát triển du lịch, khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ

4. Kết luận

Quần thể Voọc chà vá chân nâu phân bố chủ yếu tại 2 sinh cảnh: rừng lá rộng thường xanh mưa mùa nhiệt đới (60.8%) và rừng phục hồi (39.2%) còn tại các sinh cảnh trảng cây bụi và cỏ; sinh cảnh dân cư là chưa tìm thấy.

Quần thể Khi vàng đều phân bố ở cả 4 sinh cảnh, nhưng mức độ phân bố ở các sinh cảnh khác nhau thì lại khác nhau. Chúng phân bố nhiều nhất là ở sinh cảnh rừng phục hồi (40%), kế đến là sinh cảnh rừng lá rộng thường xanh mưa mùa nhiệt đới (37%), sinh cảnh trảng cây bụi và trảng cỏ (18.6%) và ít nhất là sinh cảnh dân cư (4.7%).

Quần thể Khi đuôi dài phân bố chủ yếu ở 2 sinh cảnh: rừng lá rộng thường xanh mưa mùa nhiệt đới là nhiều nhất (59,5%), tiếp đến là sinh cảnh rừng phục hồi (40,5 %), còn các sinh cảnh trảng cây bụi và cỏ; sinh cảnh dân cư là chưa tìm thấy.

Sự sử dụng vùng sống theo cấu trúc phân tầng của 3 loài Linh trưởng tại quần xã rừng Sơn Trà là khác nhau cụ thể: Ở tầng vượt tán 3 loài đều phân bố nhưng quần thể Voọc chà vá chân nâu chiếm ưu thế, ở tầng ưu thế 3 loài đều phân bố nhưng quần thể Khi đuôi dài chiếm ưu thế. Ở tầng cây bụi chủ yếu hầu như chỉ thấy quần thể Khi vàng phân bố.

Nghiên cứu tập tính tư thế vận động của họ Khi voọc tại Khu BTTN Sơn Trà cho ta thấy chúng có 3 kiểu tư thế (ngồi, ôm bả, đứng) và 6 kiểu vận động (đi bốn chân, chạy bốn chân, leo lên, nhảy, vận động treo thân, buông mình) chính.

Các nhân tố ảnh hưởng đến vùng sống, sự phân bố và tập tính tư thế vận động của 3 loài Linh trưởng trong họ Khi voọc: Tác động tự nhiên (thiên tai, thực vật gây hại), tác động nhân tạo (phát triển du lịch, khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đinh Thị Phương Anh (1997), Điều tra khu hệ động thực vật và nhân tố ảnh hưởng. Đề xuất phương án sử dụng hợp lý khu BTTN Sơn Trà, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng.
- [2] Phan Thế Dũng (2005), Đánh giá công tác quản lý rừng đặc dụng Khu BTTN Sơn Trà - thực trạng và các giải pháp để phát triển bền vững Khu BTTN Sơn Trà, Ban quản lý Khu BTTN Sơn Trà.
- [3] Kết quả kiểm kê rừng kèm theo Quyết định số: 17446/QĐ-UB ngày 6/12/2000 của Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng.
- [4] Brockleman, W.Y and Ali, R. (1987). Methods of surveying and sampling forest primate populations. In: Marsh, C.W and Mittermeier, R.C., ed. *Primate Conservation in Tropical Rainforest*. New York: Alan R.Liss, pp: 23-62.
- [5] Hunt, K. D., Cant, J. G., Gebo, D. L., Rose, M. D., Walker, S. E., Youlatos, D. (1996) Standardized Descriptions of Primate Locomotor and Postural Modes, *Primates*, 37(4): 363 – 387, October 1996.
- [6] Lois K. Lippold and Vu Ngoc Thanh, 2008, The Time is Now: Survival of the Douc Langurs of Son Tra, Vietnam.
- [7] Vu Ngoc Thanh, Le Vu Khoi, Le Khac Quyet, 2007, Survey results for Red-shanked douc langur (*Pygathrix nemaeus nemaeus*) in son tra nature reserve, Da Nang city, central vietnam, Vietnam national university, Hanoi.